

TÌM HIỂU PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

ĐỖ THỊ YẾN

Trưởng Chính trị tỉnh Hà Giang

Phong cách tư duy là những đặc điểm riêng, độc đáo, có tính hệ thống, ổn định, đặc trưng trong tư duy của một chủ thể. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong di sản tư tưởng của Người, đó là phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và thiết thực. Các yếu tố đó liên hệ mật thiết, không tách rời nhau tạo nên nét đặc sắc, riêng có trong phong cách tư duy của Hồ Chí Minh, đồng thời có giá trị bền vững, phổ biến.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; phong cách tư duy.

Với khát vọng giải phóng dân tộc và tư duy độc lập, ngay từ khi còn trẻ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận rõ thực tế xã hội thực dân phong kiến, nghĩ đến việc phải sang các nước Tây Âu xem họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình. Vượt lên hạn chế của các thế hệ Việt Nam yêu nước đương thời, Người đã sớm nhận rõ, chính chủ nghĩa thực dân đế quốc là kẻ thù chung của các dân tộc bị áp bức của giai cấp vô sản toàn thế giới, “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”¹. Cũng từ nhận thức sâu sắc như vậy mà ngay từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa phong trào cách mạng ở châu Á với phong trào cách mạng ở châu Âu, “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp

bức thức tình đê gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em của mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”².

Chính tư duy độc lập, tự chủ đã làm cơ sở cho tư duy của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh trở nên sáng tạo, đó chính là sự sáng tạo trên nền thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, cùng với tính sáng tạo thì tư duy của Người luôn thiết thực và gắn với thực tiễn đất nước và thời đại. Trong “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa”, V.I.Lênin đã chỉ rõ, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản, và những người cộng sản phải có nhiệm vụ giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã tiếp thu,



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại căn cứ địa Việt Bắc, năm 1951.

vận dụng và không chỉ dừng ở đó, Người còn phát triển sáng tạo luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và bằng thắng lợi đó, tác động mạnh mẽ tới cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong bài phát biểu tại phiên họp thứ 8 Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, ngày 23-6-1924, Người đã phê phán một số đảng viên chưa thấm nhuần quan hệ sâu sắc giữa vô sản chính quốc và vô sản ở các nước thuộc địa. Đồng thời, Người chỉ rõ: “hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”³. Mặc dù vậy, ngay cả khi đó, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh vẫn thể hiện rõ tính độc lập, tự chủ trong nhận thức và đặc biệt là trong hoạt động cách mạng: “Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”⁴. Với tư duy độc lập,

tự chủ, Hồ Chí Minh đã thấy rõ tính chủ động tích cực, sự tự lập của các dân tộc thuộc địa trong việc lật đổ chủ nghĩa thực dân để tự giải phóng mình, tất nhiên phải biết tranh thủ thời cơ và sự giúp đỡ quốc tế. Vì vậy, trong Tuyên ngôn của “Hội Liên hiệp thuộc địa”, Người đã viết: “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”⁵. Năm 1949, khi trả lời các phóng viên nước ngoài về vấn đề: Việt Nam có nhận được sự giúp đỡ từ bên ngoài; có sợ bị nước ngoài thống trị không? Hồ Chí Minh đã nói: “Độc lập của Việt Nam là luôn luôn nhờ nơi lực lượng của Việt Nam”⁶, “Chúng tôi bao giờ cũng trông ở sức mình. Chúng tôi không sợ ai cả. Không nước nào có thể thống trị được chúng tôi”⁷.

Độc lập, sáng tạo, nhưng luôn thiết thực, tính thiết thực trong tư duy Hồ Chí Minh thể

hiện rất rõ ở chỗ, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người đã tìm mọi cách để ngăn chặn một cuộc chiến tranh có thể xảy ra. Tính thiết thực gắn với sự nhìn xa, trông rộng ở Hồ Chí Minh. Ngay cả trong đấu tranh chống thực dân Pháp, Người vẫn tìm cách duy trì quan hệ hữu nghị với nhân dân Pháp. Đối với nhân dân Mỹ, Người cũng có thái độ như vậy. Rõ ràng, đứng trước những vấn đề cấp bách cần giải quyết, Người vẫn nhìn rõ là sau chiến tranh cần có sự hợp tác, quan hệ hữu nghị để phát triển kinh tế, chính trị, khắc phục hậu quả chiến tranh.

Phong cách tư duy thiết thực gắn với thực tiễn đất nước đã giúp Hồ Chí Minh rất sáng tạo trong vận dụng và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Mọi suy nghĩ của Người luôn xuất phát từ những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Khi đề cập tới việc phát triển phong trào cách mạng ở phương Đông, Người luôn lưu ý ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁸. Tính thiết thực, gắn với thực tiễn là nét đặc trưng nội tại của phong cách tư duy độc lập, sáng tạo của Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện rất rõ trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Chúng ta đều rõ rằng, khi đề cập tới việc các Đảng Cộng sản giúp đỡ phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã lưu ý: “Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể”⁹.

Tính thiết thực, luôn gắn với thực tiễn đất nước và thời đại trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ Người luôn luôn đứng trên “mảnh đất thực tiễn” cách mạng Việt

Nam, trên nền văn hoá dân tộc nói riêng, văn hoá Phương Đông nói chung để vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin. Hồ Chí Minh luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải biết xuất phát từ thực tiễn nước ta để đề ra chủ trương, đường lối đúng, tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc. Người phê phán những người “thấy người ta làm thế nào cũng một mực bắt chước làm theo thế ấy. Thí dụ: nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”¹⁰.

Hồ Chí Minh luôn biết đề xuất ý kiến mới, dám từ bỏ lối mòn quen thuộc trong cách nghĩ, cách nhìn và dám nhận lấy trách nhiệm khai phá con đường nhận thức mới. Chẳng hạn, Người đã thẳng thắn phê bình Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản khác ở châu Âu chưa thực hiện tốt Luận cương của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, chưa giúp được nhiều cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Cũng vì vậy mà thái độ của Người đối với cái cũ và cái mới cũng rất rõ ràng, đúng đắn, dứt khoát. Đối với cái cũ, nếu thực tiễn chỉ ra là sai thì Người sẵn sàng loại bỏ; cái cũ, nếu còn phù hợp thì kế thừa, bổ sung phát triển. Người đã từng viết: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”¹¹. Chính phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại giúp Người biết tìm ra cái mới phù hợp với thực tiễn, biết phát triển những luận điểm, những tư tưởng cũ trong điều kiện mới.

Nhờ tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực, Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại; giữa kế thừa và đổi mới. Hồ Chí Minh đã chủ động phát

động phong trào “người tốt, việc tốt”, đồng thời viết báo phổ biến gương người tốt việc tốt... Người luôn chú ý tổng kết kinh nghiệm để làm giàu tri thức của mình, để đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó là cái *thìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*”¹².

Tư duy Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho mục đích cao cả là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, “không có gì quý hơn độc lập tự do”; giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động. Cho nên, tư duy Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tình cảm cách mạng và lý trí khoa học; luôn hướng tới xây dựng một xã hội mới; luôn được làm giàu tri thức bằng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của đất nước và thời đại, lại được diễn đạt đơn giản, trong sáng, rõ ràng.

Phong cách tư duy thiết thực được dựa trên cơ sở triết lý hành động của Hồ Chí Minh, thể hiện rõ nhất trong tư tưởng: “Đĩ bất biến ứng vạn biến”. Cái bất biến lớn nhất ở Hồ Chí Minh được tập trung ở độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ. Không có độc lập, tức bị vong quốc, mất nước, đất nước trong cảnh nô lệ lầm than thì làm gì có tự do, lấy đâu ra tự do, hạnh phúc, dân chủ. Chính vì vậy, nước bị mất độc lập thì việc đầu tiên là phải giành cho bằng được độc lập, và trong hoàn cảnh như vậy, độc lập cho đất nước là cái bất biến số một hàng đầu. Có độc lập rồi thì mới nói đến tự do, tự do gắn liền với độc lập, nước có được độc lập thì dân mới được tự do. Với lý do đó mà Người luôn nhắc nhở: trước hết là phải giành cho kỳ được độc

lập; tất cả cho độc lập; không có gì quý hơn độc lập. Mặt khác, độc lập còn gắn liền với dân chủ. Có độc lập rồi thì mới nói đến chuyện dân làm chủ. Ở đây cần lưu ý rằng điều kiện tiên quyết để có tự do, dân chủ là nước phải độc lập; nhưng không phải cứ có độc lập là có ngay tự do, dân chủ. Theo Người, có độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng để làm gì. Triết lý “Đĩ bất biến ứng vạn biến” đồng thời cũng là triết lý hành động, gắn với hành động bởi lẽ vì cái bất biến đó mà Người rời quê hương ra đi tìm đường cứu nước và hy sinh cả cuộc đời mình cho dân tộc, đặt lợi ích của dân, của nước lên trên hết, suốt đời hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

1, 2, 3, 8, 9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 287, 48, 296, 284, 303

4. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb ST, H, 1988, tr. 31

5. Xem *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 2, tr. 138

6, 7, 11. *Sđđ*, T. 6, tr. 39, 133, 356

10, 12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 312, 283.